|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | Image\_Question | Question | Choice | Image\_Answer | Explanation |
| Geo\_29\_1 |  | CÂU 1: Việc duy trì và phát triển độ phì, chất lượng đất rừng là nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển của loại rừng nào sau đây? A. Phòng hộ. B. Đặc dụng C. Sản xuất. D. Ven biển. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Việc duy trì và phát triển độ phì, chất lượng đất rừng là nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển của rừng sản xuất. Chọn C. |
| Geo\_29\_2 |  | CÂU 2: Cơ cấu lao động xã hội của nước ta đang có sự chuyển biến tích cực là do A. cách mạng khoa học-kĩ thuật, quá trình đổi mới. B. sự chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế. C. chất lượng lao động ngày càng được cải thiện. D. kinh tế nước ta phát triển với tốc độ cao. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Cơ cấu lao động xã hội của nước ta đang có sự chuyển biến tích cực là do cách mạng khoa học-kĩ thuật, quá trình đổi mới. Chọn A. |
| Geo\_29\_3 |  | CÂU 3: Các loại đất phân bố theo độ cao từ 0 đến 2600m ở nước ta lần lượt là A. felalit có mùn, feralit, mùn, mùn thô. B. feralit, felalit có mùn, mùn, mùn thô. C. mùn, feralit, mùn thô, felalit có mùn. D. mùn, mùn thô, feralit, felalit có mùn. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Các loại đất phân bố theo độ cao từ 0 đến 2600m ở nước ta lần lượt là feralit, felalit có mùn, mùn, mùn thô. Chọn B. |
| Geo\_29\_4 |  | CÂU 4: Ảnh hưởng lớn nhất của đô thị hóa tới sự phát triển kinh tế là A. tăng cường thu hút đầu tư trong và ngoài nước. B. tăng tỉ lệ lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật. C. mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa. D. tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Đô thị hóa. Cách giải: Ảnh hưởng lớn nhất của đô thị hóa tới sự phát triển kinh tế là tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chọn D. |
| Geo\_29\_5 |  | CÂU 5: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây? A. Lạng Sơn B. Đắk Nông. C. Phú Thọ. D. Nam Định. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 15. Cách giải: Nam Định có mật độ dân số cao nhất. Chọn D. |
| Geo\_29\_6 | Geo\_29/Geo\_29\_6.png | CÂU 6: Cho biểu đồ: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018 (Số liệu Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020) Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với tốc độ tăng trưởng giá trị nhập khẩu của một số quốc gia năm 2018 so với 2010? A. Cam-pu-chia tăng chậm hơn Bru-nây. B. Bru-nây tăng 150%. C. In-đô-nê-xi-a tăng 1,36 lần. D. In-đô-nê-xi-a tăng, Lào giảm. | C |  | Phương pháp: Nhận xét biểu đồ. Cách giải: In-đô-nê-xi-a tăng 1,36 lần. Chọn C. |
| Geo\_29\_7 |  | CÂU 7: Hiện tượng xâm nhập mặn hiện nay diễn ra ngày càng trầm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây? A. biến đổi khí hậu, phát triển thủy điện ở thượng lưu, rừng ngập mặn suy giảm. B. nước biển dâng, nhiều cửa sông đổ ra biển, không có đê ngăn mặn. C. địa hình đồng bằng thấp, mạng lưới sông ngòi chằng chịt, mùa lũ đến muộn. D. mùa khô sâu sắc, tác động mạnh của thủy triều, phát triển nuôi trồng thủy sản. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Hiện tượng xâm nhập mặn hiện nay diễn ra ngày càng trầm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do biến đổi khí hậu, phát triển thủy điện ở thượng lưu, rừng ngập mặn suy giảm. Chọn A. |
| Geo\_29\_8 |  | CÂU 8: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Kẻ Gỗ nằm trong hệ thống sông nào sau đây? A. Sông Thái Bình B. Sông Cả. C. Sông Hồng. D. Sông Mã. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 10. Cách giải: Hồ Kẻ Gỗ nằm trong hệ thống sông Cả. Chọn B. |
| Geo\_29\_9 |  | CÂU 9: Biện pháp chủ yếu để giảm bớt tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta là A. phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước. B. đẩy mạnh hợp tác đầu tư, xuất khẩu lao động. C. đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. D. phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Biện pháp chủ yếu để giảm bớt tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta là phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ. Chọn D. |
| Geo\_29\_10 |  | CÂU 10: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết dân tộc Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ phân bố ở vùng nào sau đây? A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Duyên hải miền Trung. C. Đông Nam Bộ. D. Tây Nguyên. | A |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 16. Cách giải: Dân tộc Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ phân bố ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Chọn A. |
| Geo\_29\_11 | Geo\_29/Geo\_29\_11.png | CÂU 11: Cho biểu đồ về dân số nước ta, giai đoạn 1979 - 2019: (Số liệu theo thống kê dân số Việt Nam năm 2019) Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây? A. Cơ cấu giới tính. B. Tỉ số giới tính. C. Số dân Nam và số dân Nữ. D. Tốc độ tăng số dân Nam và số dân Nữ. | B |  | Phương pháp: Đặt tên biểu đồ. Cách giải: Biểu đồ thể hiện tỉ số giới tính. Chọn B. |
| Geo\_29\_12 |  | CÂU 12: Nguyên nhân chủ yếu của quá trình bồi tụ mở rộng nhanh đồng bằng châu thổ sông của nước ta là A. thềm lục địa nông và mở rộng ở hạ lưu các con sông lớn. B. lãnh thổ mở rộng, chế độ nước sông thay đổi theo mùa. C. mạng lưới sông ngòi dày đặc, núi lùi sâu vào trong đất liền. D. xâm thực miền núi yếu, thềm lục địa nông và mở rộng. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Nguyên nhân chủ yếu của quá trình bồi tụ mở rộng nhanh đồng bằng châu thổ sông của nước ta là thềm lục địa nông và mở rộng ở hạ lưu các con sông lớn. Chọn A. |
| Geo\_29\_13 |  | CÂU 13: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết nhận xét nào đây đúng về dân số và lao động ở nước ta? A. Dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn. B. Nam giới có tuổi thọ trung bình cao hơn nữ giới. C. Tỉ trọng lao động trong khu vực II có xu hướng giảm. D. Tỉ trọng dân số nông thôn cao và có xu hướng tăng. | A |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 15. Cách giải: Dân số thành thị tăng nhanh hơn dân số nông thôn. Chọn A. |
| Geo\_29\_14 |  | CÂU 14: Thiên tai nào sau đây rất ít xảy ra ở đồng bằng nước ta? A. Lũ lụt. B. Bão. C. Động đất. D. Hạn hán. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Động đất rất ít xảy ra ở đồng bằng nước ta. Chọn C. |
| Geo\_29\_15 |  | CÂU 15: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về lát cắt C-D? A. Hướng Tây Bắc - Đông Nam. B. Đi qua tất cả các bậc địa hình. C. Cắt qua sông Nậm Mu, sông Mã. D. Có đỉnh núi cao nhất nước ta. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 13. Cách giải: Lát cắt C-D không đi qua tất cả các bậc địa hình. Chọn B. |
| Geo\_29\_16 |  | CÂU 16: Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ vào thời kì mùa đông (tháng 11 đến tháng 4 năm sau) là A. nóng ẩm, mưa phùn. B. nắng, thời tiết ổn định, tạnh ráo. C. nắng nóng, trời nhiều mây. D. nắng, ít mây và mưa nhiều. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Kiểu thời tiết điển hình của Nam Bộ vào thời kì mùa đông (tháng 11 đến tháng 4 năm sau) là nắng, thời tiết ổn định, tạnh ráo. Chọn B. |
| Geo\_29\_17 |  | CÂU 17: Cho bảng số liệu: DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018 Năm 2010 2012 2015 2017 2018 Diện tích (nghìn ha) 51,3 60,2 101,6 152,0 147,5 Sản lượng (nghìn tấn) 105,4 116,0 176,8 252,6 262,7 (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020) Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích, sản lượng, năng suất hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất? A. Cột. B. Miền. C. Tròn. D. Đường. | D |  | Phương pháp: Nhận dạng biểu đồ. Cách giải: Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích, sản lượng, năng suất hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ đường là thích hợp nhất. Chọn D. |
| Geo\_29\_18 |  | CÂU 18: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết đồng bằng Tuy Hòa được mở rộng bởi phù sa của hệ thống sông nào sau đây? A. Sông Cái. B. Sông Trà Khúc. C. Sông Côn. D. Sông Ba. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 10. Cách giải: Đồng bằng Tuy Hòa được mở rộng bởi phù sa của hệ thống sông Ba. Chọn D. |
| Geo\_29\_19 |  | CÂU 19: Đặc điểm nào sau đây của biển Đông có ảnh hưởng lớn nhất đến tự nhiên nước ta? A. Có diện tích lớn, lượng nước dồi dào. B. Nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa. C. Biển kín và có các hải lưu chảy khép kín D. Thềm lục địa mở rộng ở hai đầu Bắc - Nam. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Biển Đông nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa ảnh hưởng lớn nhất đến tự nhiên nước ta. Chọn B. |
| Geo\_29\_20 |  | CÂU 20: Sự phân hóa đa dạng của địa hình nước ta là kết quả tác động A. của nội lực, con người, biển Đông và lượng mưa lớn diễn ra trong năm. B. con người, vận động kiến tạo trong điều kiện lượng mưa lớn quanh năm. C. vận động nâng lên hạ xuống, ảnh hưởng của lượng mưa và con người. D. giữa nội lực, ngoại lực trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Sự phân hóa đa dạng của địa hình nước ta là kết quả tác động giữa nội lực, ngoại lực trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. Chọn D. |
| Geo\_29\_21 |  | CÂU 21: Nửa sau mùa đông, mưa phùn thường xuất hiện ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ là do A. sự dịch chuyển của cao áp Xibia. B. gió Tín phong qua biển gây mưa. C. gió mùa Tây Nam mang ẩm gây mưa. D. gió mùa Đông Bắc ấm và ẩm hơn. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Nửa sau mùa đông, mưa phùn thường xuất hiện ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ là do sự dịch chuyển của cao áp Xibia. Chọn A. |
| Geo\_29\_22 |  | CÂU 22: Thủy chế của sông ngòi nước ta chủ yếu phụ thuộc vào A. diện tích lưu vực sông. B. độ dốc của lòng sông. C. chế độ mưa mùa. D. độ dài của sông. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải:10 Thủy chế của sông ngòi nước ta chủ yếu phụ thuộc vào chế độ mưa mùa. Chọn C. |
| Geo\_29\_23 |  | CÂU 23: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 200 001 - 500 000 người? A. Cần Thơ. B. Hà Nội. C. Quy Nhơn. D. Biên Hòa. | C |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 15. Cách giải: Quy Nhơn có quy mô dân số từ 200 001 - 500 000 người. Chọn C. |
| Geo\_29\_24 |  | CÂU 24: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây? A. Phu Luông. B. Tây Côn Lĩnh. C. Pu Si Lung. D. Phu Hoạt. | C |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7. Cách giải: Pu Si Lung cao nhất. Chọn C. |
| Geo\_29\_25 |  | CÂU 25: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết vị trí nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương nước ta sẽ là A. khu vực rất năng động về kinh tế và nhạy cảm về chính trị. B. cửa ngõ mở lối ra biển thuận tiện cho Đông Bắc Thái Lan, Campuchia. C. nơi giao lưu thuận tiện với các nước Đông Nam Á. D. nơi chung sống hòa bình, hữu nghị với các nước Đông Dương. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5. Cách giải: Vị trí nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương nước ta sẽ là cửa ngõ mở lối ra biển thuận tiện cho Đông Bắc Thái Lan, Campuchia. Chọn B. |
| Geo\_29\_26 |  | CÂU 26: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết điểm dân cư A Lưới thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây? A. Sơn L B. Nghệ An. C. Thừa Thiên- Huế. D. Bình Phước | C |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5. Cách giải: Điểm dân cư A Lưới thuộc Thừa Thiên- Huế. Chọn C. |
| Geo\_29\_27 |  | CÂU 27: Quy mô dân số ở các đô thị của nước ta ngày càng lớn là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây? A. Dễ tìm kiếm việc làm. B. Điều kiện sống hấp dẫn. C. Có khả năng về thu nhập. D. Phát triển công nghiệp. | D |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư. Cách giải: Quy mô dân số ở các đô thị của nước ta ngày càng lớn là phát triển công nghiệp. Chọn D. |
| Geo\_29\_28 |  | CÂU 28: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết khoáng sản Asen có ở tỉnh nào sau đây? A. Quảng Ngãi. B. Ninh Thuận. C. Kom Tum. D. Bình Thuận. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 8. Cách giải: Khoáng sản Asen có ở Bình Thuận. Chọn D. |
| Geo\_29\_29 |  | CÂU 29: Phần lớn sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn và dốc là do tác động trực tiếp của nhân tố nào sau đây? A. Hình dáng lãnh thổ và phân bố địa hình. B. Địa hình và phân bố thổ nhưỡng. C. Khí hậu và sự phân bố dịa hình. D. Hình dáng lãnh thổ và khí hậu. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Phần lớn sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn và dốc là do tác động trực tiếp của hình dáng lãnh thổ và phân bố địa hình. Chọn A. |
| Geo\_29\_30 |  | CÂU 30: Vào mùa đông, vùng Tây Bắc duy trì thời tiết khô chủ yếu là do A. địa hình lòng máng hút áp thấp nóng phía tây. B. tác động vượt núi của gió mùa hướng tây nam. C. địa hình khuất gió và vị trí nằm sâu trong lục địa. D. hoạt động của gió mùa Đông Bắc đi qua lục địa. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Vào mùa đông, vùng Tây Bắc duy trì thời tiết khô chủ yếu là do địa hình khuất gió và vị trí nằm sâu trong lục địa. Chọn C. |
| Geo\_29\_31 |  | CÂU 31: Đặc điểm khí hậu của vùng duyên hải Nam Trung Bộ khác với vùng Nam Bộ là A. mưa nhiều vào thu-đông. B. kiểu khí hậu cận xích đạo. C. có hai mùa mưa-khô rõ rệt. D. chịu tác động của gió Tín phong. | A |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Đặc điểm khí hậu của vùng duyên hải Nam Trung Bộ khác với vùng Nam Bộ là mưa nhiều vào thu-đông. Chọn A. |
| Geo\_29\_32 |  | CÂU 32: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết hướng gió chính tại trạm khí tượng TP. Hồ Chí Minh vào tháng 1 là hướng nào sau đây? A. Tây Bắc. B. Đông Nam. C. Đông Bắc. D. Tây Nam. | B |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 9. Cách giải: Hướng gió chính tại trạm khí tượng TP. Hồ Chí Minh vào tháng 1 là hướng Đông Nam. Chọn B. |
| Geo\_29\_33 |  | CÂU 33: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất xám phù sa cổ phân bố nhiều nhất ở vùng nào sau đây? A. Nam Trung Bộ. B. Tây Nam Bộ C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 11. Cách giải: Đất xám phù sa cổ phân bố nhiều nhất ở vùng Đông Nam Bộ. Chọn D. |
| Geo\_29\_34 |  | CÂU 34: Cho bảng số liệu: TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2018 (Đơn vị: ‰) Quốc gia In-đô-nê-xi-a Phi-lip-pin Mi-an-ma Thái Lan Tỉ lệ sinh 19 21 18 11 Tỉ lệ tử 7 6 8 8 (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019) Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ tăng tự nhiên của một số quốc gia, năm 2018? A. Phi-lip-pin cao hơn Thái Lan. B. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma. C. Mi-an-ma cao hơn In-đô-nê-xi-a. D. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin | A |  | Phương pháp: Nhận xét bảng số liệu.12 Cách giải: Tỉ lệ tăng tự nhiên của Phi-lip-pin cao hơn Thái Lan. Chọn A. |
| Geo\_29\_35 |  | CÂU 35: Phát biểu nào sau đây không đúng về ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta? A. Tạo điều kiện chung sống hòa bình với các nước Đông Nam Á. B. Tạo điều kiện để xây dựng nền văn hóa thống nhất trong khu vực. C. Tạo điều kiện cho nước ta phát triển giao thông đường biển quốc tế. D. Quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên là nhiệt đới ẩm gió mùa. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Tạo điều kiện để xây dựng nền văn hóa thống nhất trong khu vực là sai. Chọn B. |
| Geo\_29\_36 |  | CÂU 36: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết cho biết địa điểm nào sau đây có biên độ nhiệt trung bình năn lớn nhất? A. Trường Sa B. Nha Trang. C. Hoàng Sa. D. Đà Lạt. | C |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 9. Cách giải: Hoàng Sa có biên độ nhiệt trung bình năm lớn nhất. Chọn C. |
| Geo\_29\_37 |  | CÂU 37: Việc sử dụng đất rừng không hợp lí ở vùng đồng bằng châu thổ nước ta đã dẫn đến hậu quả A. ngập lụt trên diện rộng, thiên tai ngày càng gia tăng. B. làm ô nhiễm môi trường đất, nước, hạn hán gia tăng. C. diện tích rừng giảm, hiện tượng ngập mặn và bốc phèn gia tăng. D. rừng ngập mặn giảm, hiện tượng cát bay, cát chảy gia tăng. | C |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Việc sử dụng đất rừng không hợp lí ở vùng đồng bằng châu thổ nước ta đã dẫn đến hậu quả diện tích rừng giảm, hiện tượng ngập mặn và bốc phèn gia tăng. Chọn C. |
| Geo\_29\_38 |  | CÂU 38: Vào đầu mùa hạ, khối khí gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên là khối khí A. Tín phong bán cầu Nam. B. Bắc Ấn Độ Dương. C. Nam Ấn Độ Dương. D. Tín phong bán cầu Bắc. | B |  | Phương pháp: SGK Địa lí 12, Địa lí tự nhiên. Cách giải: Vào đầu mùa hạ, khối khí gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên là khối khí Bắc Ấn Độ Dương. Chọn B. |
| Geo\_29\_39 |  | CÂU 39: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết địa danh nào sau đây nằm trên hai phân khu địa lí động vật? A. Đồng Hới. B. Thái Nguyên. C. Hải Phòng. D. Thanh Hóa. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 12. Cách giải: Thanh Hóa nằm trên hai phân khu địa lí động vật. Chọn D. |
| Geo\_29\_40 |  | CÂU 40: Vị trí nước ta giáp vùng biển Đông rộng lớn nên có A. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt. B. khí hậu có hai mùa rõ rệt. C. nhiều tài nguyên khoáng sản. D. nhiều loài sinh vật nhiệt đới. | D |  | Phương pháp: Atlat Địa lí Việt Nam trang 12. Cách giải: Thanh Hóa nằm trên hai phân khu địa lí động vật. Chọn D. |